

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/DS-PT
Ngày: 20 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Lưu Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hằng - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2026/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Quỹ đầu tư phát triển tỉnh B (Nay là tỉnh Gia Lai)

Địa chỉ: C T, phường Q, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Như Ý - Trưởng phòng Tín dụng- Ủy thác; Căn cước công dân: 052184003927; (Theo văn bản ủy quyền số 10/GUQ-QĐTPT ngày 18/10/2025). (Có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH C1

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: C N, phường H, tỉnh Gia Lai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Anh T, sinh năm: 1955 (có mặt).

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: C N, phường H, tỉnh Gia Lai.

3. Ông Lê Lập C, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Như Ý là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2013, Công ty TNHH C2 (nay là Công ty TNHH C1 – sau đây viết tắt là Công ty) có vay vốn ở Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh B (nay là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh G – sau đây viết tắt là Quỹ Đầu tư) theo Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Khế ước nhận nợ vay 001. Số tiền vay 2.800.000.000 đồng, để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy xử lý và chế biến rác thải sinh hoạt. Lãi suất trong hạn 8%/năm (theo Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013) và điều chỉnh 7%/năm (theo Phụ lục số 16/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 15/7/2015). Thời hạn vay 05 năm 09 tháng (69 tháng) từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2019. Ngày 29/7/2016, Công ty được Quỹ Đầu tư gia hạn thời hạn trả nợ gốc thêm 6 tháng (thời hạn trả cuối cùng là tháng 03/2020) theo Phụ lục hợp đồng số 08/2016/PLHĐ-QĐTPT ngày 29/07/2016. Ngày 01/02/2018, Công ty đã được khoan nợ theo Quyết định số 329/QĐ-UBND của UBND tỉnh B thời gian 18 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là tháng 9/2021 theo Phụ lục hợp đồng số 11/2019/PLHĐ-QĐTPT ngày 20/7/2019.

Để đảm bảo khoản vay, Công ty, ông Trần Anh T và bà Lê Thị T1, ông Lê Lập C và bà Trần Thị Tuyết M đã thế chấp cho Q Đầu tư các tài sản:

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 07/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 22/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 21/12/2015 xác định tài sản thế chấp đã hình thành của Dự án Đầu tư Nhà máy xử lý và chế biến rác thải Duy A. Chủ sở hữu tài sản: Công ty TNHH C2. Tài sản bảo đảm gồm: Phần xây lắp của Dự án Đầu tư Nhà máy xử lý và chế biến rác thải sinh hoạt gồm nhà làm việc, nhà xưởng, tường rào cổng ngõ, san nền, tài sản gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CL 018222, số vào sổ CT06644, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/8/2018 (thửa đất tại khu phố M, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định - nay là khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai). Phần thiết bị gồm: Máy xử lý rác thô, máy phát điện đã qua sử dụng.

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 13/01/2014. Tài sản bảo đảm là máy xử lý chất thải tổng hợp. Chủ sở hữu tài sản: Công ty TNHH C2.

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014 được ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định, ông Trần Anh T và bà Lê Thị T1 cùng Công ty TNHH C2. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Anh T và bà Lê Thị T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK943669, số vào sổ H01917, do UBND huyện H cấp ngày 25/9/2007 (thửa đất tại tổ dân phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nay là khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Chủ sở hữu tài sản: Ông Trần Anh T và bà Lê Thị T1.

- Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014 được ký giữa Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Định, ông Lê Lập C và bà Trần Thị Tuyết M cùng Công ty TNHH C2. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Lê Lập C và bà Trần Thị Tuyết M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BL432039, số vào sổ CH01399, do UBND huyện H cấp ngày 01/02/2013 (thửa đất tại tổ dân phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nay là khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai). Chủ sở hữu tài sản: ông Lê Lập C và bà Trần Thị Tuyết M.

Trong quá trình vay vốn, Công ty nhiều lần vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn nên Quỹ Đầu tư đã chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ cuối cùng theo thỏa thuận trong Phụ lục hợp đồng số 11/2019/PLHĐ-QĐTPT ngày 20/7/2019 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013. Quỹ Đầu tư đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ vay nhưng Công ty vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết và đã nhiều lần mời Công ty, ông Trần Anh T và bà Lê Thị T1, ông Lê Lập C và bà Trần Thị Tuyết M làm việc để đôn đốc thu hồi nợ và thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nhưng không đạt kết quả. Nay Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai yêu cầu Công ty TNHH C1:

- Trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo là 3.716.220.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 1.917.406.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 1.798.814.000 đồng, gồm lãi quá hạn 1.435.482.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 21/08/2025 là 19.857.000 đồng, lãi quá hạn trên nợ lãi 343.475.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 đến khi trả hết nợ gốc.

- Nếu Công ty TNHH C1 không trả, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai được yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 07/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số

22/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 21/12/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014 để thu hồi nợ.

Ông Trần Anh T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty thừa nhận có vay vốn của Quỹ Đầu tư theo Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Khế ước nhận nợ vay 001 cùng các tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay như Công ty trình bày. Tính đến ngày 31/7/2025 Công ty cùng với Quỹ Đầu tư đã đối chiếu thì số tiền nợ gốc hiện nay Công ty còn nợ Quỹ Đầu tư là 1.917.406.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm Công ty ngừng hoạt động năm 2018. Nay Công ty chỉ chấp nhận trả tiền gốc và tiền lãi cho Q Đầu tư với điều kiện Công ty được hoạt động trở lại. Bởi vì:

Thực hiện theo công văn chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh B và các Sở ban ngành tỉnh, thị xã H. Công ty đã nâng cấp công nghệ theo công suất, hoàn thành các hạng mục công trình trong nhà máy, thu gọn quy mô sản xuất phù hợp với năng lực của Công ty. Thời gian kéo dài quá lâu cho đến nay Công ty TNHH C2 (nay đổi tên thành Công ty TNHH C1) chưa được hoạt động nên không có khả năng trả nợ cho Q Đầu tư. Năm 2018, Công ty tạm dừng theo công văn chỉ đạo của tỉnh Bình Định, lập hồ sơ 1/500 trình các ban ngành nhưng chưa được phê duyệt vì lý do khu đất nhà máy cấp sai vị trí, khoảng cách không đạt trên 500m từ nhà dân đến nhà máy. Từ năm 2018 cho đến nay công ty vẫn chưa có quyết định hoạt động trở lại. Đây là mô hình hoạt động công ích trong lĩnh vực xử lý môi trường được các cấp lãnh đạo, ban, ngành, sở, huyện cấp; được công văn chỉ đạo của Chủ tịch tỉnh phê duyệt cho vay ưu đãi từ Quỹ Đầu tư. Từ năm 2013 đến 2014, Công ty K và đi vào hoạt động, Công ty có trách nhiệm trả gốc và lãi cho Quỹ Đầu tư tỉnh hàng tháng. Một thời gian bị sự cố khách quan về điện.... Từ cuối năm 2018, Công ty T2 ngừng hoạt động 3 tháng để củng cố lại dây chuyền và hoàn thiện hồ sơ 1/500, nhưng khi Công ty hoàn thiện dây chuyền xong, thì hồ sơ bị vấp phải sự phản đối của nhân dân vì nhà máy cấp sai vị trí, khoảng cách dưới 500m từ nhà máy đến nhà dân, nên người dân phản đối không cho nhà máy hoạt động. Từ đó đến nay nhà máy không hoạt động được nhưng hàng tháng ông Trần Thái H là Giám đốc Công ty vẫn trích tiền cá nhân từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để trả cho Q Đầu tư.

Nay Công ty xin đề nghị tạm khoan nợ bên Quỹ Đầu tư lại theo diện ưu đãi của nhà nước. Khi công ty có công văn chỉ đạo hoạt động trở lại, Công ty mới có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ Đầu tư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Trần Anh T trình bày: Năm 2012, ông nghiên cứu đề tài nhà máy xử lý rác thải tổng hợp, đã được Bộ K1 thẩm định. Để có tiền xây dựng nhà máy, Công ty TNHH C2 đã thế chấp ngôi nhà của vợ chồng ông Trần Anh T và của bà Trần Thị Tuyết M để vay tiền của Quỹ Đầu tư. Năm 2014, Công ty K. Ủy

ban nhân dân huyện H chỉ đạo cho Công ty đi vào hoạt động sớm vì nguồn rác thải ra quá nhiều, bị ô nhiễm. Máy chưa đủ lớn, nguồn điện chưa có, nhà xưởng chưa đủ dung nạp. Sau đó, Công ty thế chấp cả tài sản và đất của Công ty nhưng Quỹ Đầu tư không đáp ứng cho Công ty vay thêm. Sau đó, Công ty bị nhân dân cho rằng gây ô nhiễm môi trường nên chặn không cho xe chở rác vào Công ty xử lý. Mặc dù, Công ty không hoạt động được nhưng vẫn trả vốn lãi hàng tháng cho Q Đầu tư nhưng Quỹ Đầu tư không trợ giúp cho công ty. Theo ông khi nào Công ty được nhà nước cho phép hoạt động trở lại thì Công ty trả nợ cho Quỹ Đầu tư. Ông đề nghị được rút lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông và vợ chồng bà M, không tiếp tục thế chấp cho Quỹ Đầu tư vì tài sản của Công ty thế chấp nhiều hơn số tiền còn nợ.

2. Bà Trần Thị Tuyết M trình bày: Ông Trần Anh T có dây chuyền máy xử lý rác thải tổng hợp, không khói, không nước được nhà nước chấp nhận. Ông T mượn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của vợ chồng bà để thế chấp cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai) để vay tiền xây dựng Công ty. Khi Công ty K, ông T tiếp tục thế chấp tài sản của Công ty để vay thêm tiền đầu tư dây chuyền máy cao hơn. Trong thời gian Công ty hoạt động, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Nay Quỹ Đầu tư khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

3. Bà Lê Thị T1 và ông Lê Lập C: Không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6-Gia Lai quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh B (nay là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai). Buộc Công ty TNHH C1 trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh G số tiền 3.716.220.000 đồng (*Ba tỷ bảy trăm mười sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc 1.917.406.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 1.798.814.000 đồng, gồm lãi quá hạn 1.435.482.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 21/08/2025 là 19.857.000 đồng, lãi quá hạn trên nợ lãi 343.475.000 đồng.

2. Sau khi Công ty TNHH C1 trả nợ xong, buộc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai phải: Trả cho Công ty TNHH C1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CL 018222, số vào sổ CT06644, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/8/2018. Trả cho vợ chồng ông Trần Anh T bà Lê Thị T1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK943669, số vào sổ H01917, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25/9/2007. Trả cho vợ chồng ông Lê Lập C, bà Trần Thị Tuyết M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BL432039, số vào sổ CH01399, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 01/02/2013.

3. Trường hợp Công ty TNHH C1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai thì

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh G có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh G xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 07/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 22/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 21/12/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014 để thu hồi nợ và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai được ưu tiên thanh toán để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì Công ty TNHH C1 tiếp tục chịu trách nhiệm trả hết nợ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí tố tụng, về quyền, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự và quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2025, đại diện ủy quyền của bị đơn ông Trần Anh T có đơn kháng cáo với nội dung: Công ty TNHH C1 chấp nhận trả tiền gốc (với điều kiện khi Công ty được hoạt động trở lại) không đồng ý trả các khoản tiền lãi cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo nói trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Tuyết M và bà Lê Thị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Lê Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh T, thấy rằng:

Giữa Công ty TNHH C1 với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh B (nay là Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2023 và Khế ước nhận nợ vay 001 ngày 13/01/2024, với số tiền vay: 2.800.000.000 đồng để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy xử lý và chế

biến rác thải sinh hoạt. Lãi suất cho vay: Lãi suất nợ trong hạn: 8%/năm. Điều chỉnh 7%/năm (*Theo Phụ lục số 16/2025/HĐTD-QĐTPT ngày 15/7/2015*), thời hạn vay: (69 tháng) 5 năm 9 tháng từ tháng 01/2014 đến tháng 9/2019. Ngày 29/7/2016, Công ty được Quỹ Đầu tư gia hạn thời hạn trả nợ gốc thêm 6 tháng, thời hạn cuối cùng là tháng 3/2020 (*Theo Phụ lục hợp đồng số 08/2016/PLHĐ-QĐPT ngày 29/7/2016*). Ngày 01/02/2018, Công ty đã được khoan nợ 18 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là tháng 9/2021 (*Theo phụ lục hợp đồng số 11/2019/PLHĐ-QĐTPT ngày 20/7/2019*).

Công ty đã thống nhất số nợ đến ngày 30/6/2019, có lịch trả nợ lần cuối vào tháng 9/2021, hai bên thỏa thuận tính lãi phát sinh, lãi quá hạn từ ngày 01/7/2019 trở đi. Ngày 31/7/2025, Giám đốc Công ty đã ký phiếu đối chiếu dư nợ vay, xác định số nợ gốc là 1.917.406.000 đồng và nợ lãi là 1.798.814.000 đồng. (BL.296)

Mặc khác, tại Điều 4, Điều 5, Điều 7 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 31/12/2023 đã quy định cụ thể thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ, nợ quá hạn và lãi suất quá hạn đối với khoản tiền vay nhưng đến hạn không trả đủ. Không có nội dung nào trong Hợp đồng cũng như các phụ lục của Hợp đồng quy định không trả tiền gốc khi Công ty TNHH C1 ngừng hoạt động và lý do của việc không trả tiền lãi đối với khoản tiền vay. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được nội dung này trong khi đó Quỹ Đầu tư phát triển B (nay là Quỹ Đầu tư phát triển Gia Lai) giữ nguyên yêu cầu Công ty TNHH C1 phải trả tiền vay còn nợ và tiền lãi cho Công ty TNHH C1.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, Công ty TNHH C1 phải chịu 300.000 đồng.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 và Điều 299; 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91; 94; 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 23; 24; 25; 26; 31 Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Căn cứ Điều khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH C1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh B (nay là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai). Buộc Công ty TNHH C1 trả cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh G số tiền 3.716.220.000 đồng (*ba tỷ bảy trăm mười sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc 1.917.406.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 1.798.814.000 đồng, gồm lãi quá hạn 1.435.482.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 21/08/2025 là 19.857.000 đồng, lãi quá hạn trên nợ lãi 343.475.000 đồng.

1.2. Sau khi Công ty TNHH C1 trả nợ xong, buộc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai phải: Trả cho Công ty TNHH C1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CL 018222, số vào sổ CT06644, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/8/2018. Trả cho vợ chồng ông Trần Anh T bà Lê Thị T1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AK943669, số vào sổ H01917, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 25/9/2007. Trả cho vợ chồng ông Lê Lập C bà Trần Thị Tuyết M, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BL432039, số vào sổ CH01399, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 01/02/2013.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH C1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai thì Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh G có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh G xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 07/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 31/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 22/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 21/12/2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/HĐTCTS-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 09/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/2013/HĐTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 13/01/2014 để thu hồi nợ và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai được ưu tiên thanh toán để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì Công ty TNHH C1 tiếp tục chịu trách nhiệm trả hết nợ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH C1 phải chịu 3.000.000 đồng để trả lại cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh B (nay là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Gia Lai).

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu 106.324.400 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*).

4. Án phí Dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003193 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai (ông Trần Anh T đã nộp xong).

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 – Gia Lai;
- Phòng Thi hành án Dân sự 6 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm